

Số: 133/TB-UBND

Phúc Thọ, ngày 06 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai 590 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã, TTHC liên thông trên địa bàn thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ: Về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Căn cứ các Quyết định công bố danh mục TTHC và các văn bản liên quan về việc công khai danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận tại UBND cấp xã và liên thông thực hiện tại Thành phố, Sở, xã;

UBND xã Phúc Thọ thông báo công khai danh mục 590 TTHC thuộc 30 lĩnh vực được tiếp nhận tại Điểm phục vụ hành chính xã Phúc Thọ. Trong đó: 333 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã, 257 TTHC liên thông cấp Thành phố, Sở, xã: Cụ thể như sau:

TT	LĨNH VỰC	Số TTHC theo các quyết định công bố của thành phố Hà Nội	Số TTHC thực hiện	Số TTHC không thực hiện
I.	Cấp xã			
1	Công thương (931)	14	14	0
2	Đường sắt, hàng hải và đường thủy nội địa	10	10	0
3	Đường thủy nội địa	11	11	0
4	Thuỷ lợi	6	6	0
5	Quy hoạch - kiến trúc	3	3	0



6	Chăn nuôi, thú y	2	2	0
7	Tư pháp	53	53	0
8	Quản lý đô thị và phòng chống thiên tai	4	4	0
9	Tài nguyên nước	1	1	0
10	Dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo	11	11	0
11	Quản lý chất lượng công trình xây dựng, hoạt động xây dựng	6	6	0
12	Chất lượng nông lâm sản và thủy sản	1	1	0
13	Quản lý công sản, tài chính, đất đai; lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh; lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	38	38	0
14	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, giảm nghèo	6	6	0
15	Y tế	14	14	0
16	Đất đai	9	9	0
17	Đường sắt, đường bộ	1	1	0
18	Văn hoá, thể thao, gia đình, báo chí, xuất bản, thông tin điện tử	27	27	0
19	Lâm nghiệp và kiểm lâm	8	8	8
20	Giáo dục đào tạo	44	44	0
21	Công thương (962)	9	9	0
22	Người có công; lao động, tiền lương; quản lý nhà nước về hội, quỹ; thi đua, khen thưởng; việc làm; an toàn vệ sinh lao động và quản lý lao động ngoài nước	24	24	0
23	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh	7	7	0
24	Hoà giải ở cơ sở tư pháp	1	1	0
25	Di sản văn hoá	3	3	
26	Y tế	7	7	

27	Quy hoạch đô thị và nông thôn	5	5	
28	Địa chất và khoáng sản	2	2	
29	Phí, lệ phí môi trường	2	2	
30	Hoà giải ở cơ sở	4	4	
	Cộng	333	325	8
II	Liên thông Thành phố, sở, xã	257		
	Tổng:	590		

(Có danh mục từng TTHC kèm theo)

Hình thức công khai: niêm yết tại điểm phục vụ hành chính công xã, qua hệ thống truyền thanh và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của xã tại địa chỉ <http://phuctho.hanoi.gov.vn>.

Vậy UBND xã Phúc Thọ thông báo để nhân dân trên địa bàn xã biết, nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện đúng quy trình trong giải quyết các thủ tục hành chính.

Nơi nhận:

- UBND TP;
- TT Đảng ủy; HĐND; UBND xã;
- Các phòng, ngành UBND;
- Điểm tiếp nhận HCC;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Công





DANH MỤC TTHC THỰC HIỆN TẠI UBND XÃ PHÚC THỌ

(Kèm theo Thông báo số: 133/TB-UBND ngày 06/10/2025 của UBND xã Phúc Thọ)

333	STT	Lĩnh vực	Quyết định công bố TTHC của UBND thành phố Hà Nội	Quyết định phê duyệt quy trình giải quyết nội bộ
		I. CÔNG THƯƠNG		
		A. Lĩnh vực Kinh doanh khí		
	1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.	QĐ 931/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	
	2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai		
	3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai		
		B. Lĩnh vực Lưu thông hàng hoá trong nước		
	4	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.		
	5	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh		
	6	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.		
14	7	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu		
	8	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.		
	9	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu.		
		C. Lĩnh vực Phát triển và quản lý chợ		
	10	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý		

11	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ.		
D.	Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện		QĐ 118/QĐ-UBND ngày 31/7/2025
12	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện		
13	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã		
E.	Lĩnh vực Cùm công nghiệp		
14	Thành lập/mở rộng cùm công nghiệp		
II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT, HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA			
A.	Lĩnh vực Hàng hải và Đường thủy nội địa	QĐ 932/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	QĐ số 1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025
15	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung		
16	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa		
17	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa		
18	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật		
19	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện		
20	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện		
21	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác		
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện		

21

23	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa		
24	Xóa đăng ký phương tiện		
	III. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA	QĐ 933/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	QĐ số 1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025
25	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa		
26	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa		
27	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính		
28	Công bố hoạt động bến thủy nội địa		
29	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính		
30	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu		
31	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước		
32	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước		
33	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước		
34	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát		
35	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát		
	IV. LĨNH VỰC THỦY LỢI	QĐ 938/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	QĐ số 1102/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025

6	36	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới a hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) (2.001621)		
	37	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (1.003446)		
	38	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã (1.003440)		
	39	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã (1.003347)		
	40	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy (2.001627)		
	41	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp		
3		V. LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC	QĐ 941/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	
	42	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã		
	43	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã		
	44	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã		
2		VI. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI, THÚ Y	QĐ 942/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	
	A.	Lĩnh vực Thủy sản		
	45	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) (1.003956)		
	46	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) (1.004498)		

	VII. LĨNH VỰC TƯ PHÁP	QĐ 943/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	
A.	Lĩnh vực hoà giải cơ sở		
47	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải		QĐ số 1117/QĐ-TTPVHCC ngày 30/7/2025
B.	Lĩnh vực bồi thường nhà nước		
48	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại		
C.	Lĩnh vực Hộ tịch		QĐ số 1067/QĐ-TTPVHCC ngày 15/7/2025
49	Đăng ký khai sinh		
50	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài		
51	Thủ tục đăng ký lại khai sinh		
52	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài		
53	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con		
54	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài		
55	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con		
56	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài		
57	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		
58	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		
59	Thủ tục đăng ký kết hôn		
60	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		

53	61	Thủ tục đăng ký lại kết hôn		
	62	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài		
	63	Thủ tục đăng ký khai tử		
	64	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài		
	65	Thủ tục đăng ký lại khai tử		
	66	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài		
	67	Thủ tục đăng ký giám hộ		
	68	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài		
	69	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ		
	70	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài		
	71	Thủ tục đăng ký giám sát việc giám hộ		
	72	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ		
	73	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc		
	74	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài		
	75	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		
	76	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		
	77	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)		

78	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động		
79	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động		
80	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động		
81	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		
82	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh		
83	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch		
D. Lĩnh vực nuôi con nuôi			
84	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước		
85	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước		
86	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		
E. Lĩnh vực Chứng thực			
87	Cấp bản sao từ sổ gốc		
88	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận		
89	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)		
90	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
91	Chứng thực di chúc		
92	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản		
93	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		

	94	Chứng thực văn bản khai nhận di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
	95	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch		
	96	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch		
	97	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng giao dịch đã được chứng thực		
	98	Chứng thực chữ ký người dịch mà người là cộng tác viên dịch thuật của UBND cấp xã		
	99	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của UBND cấp xã		
		VIII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI	QĐ 944/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	QĐ số 1110/QĐ-TTPVHCC ngày 28/7/2025
	100	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu (2.002163)		
	101	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh (2.002162)		
4	102	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội (1.010091)		
	103	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội (1.010092)		
1		IX. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC	QĐ 946/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	
	104	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất		
		X. LĨNH VỰC DÂN TỘC, TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO	QĐ 947/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	
	A.	Lĩnh vực Tôn giáo, Tín ngưỡng		
	105	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung		

11	106	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung		
	107	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã		
	108	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã		
	109	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã		
	110	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng		
	111	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng		
	112	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã, phường		
	113	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã, phường khác		
	B. Lĩnh vực Dân tộc			
	114	Công nhận người có uy tín		
	115	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín		
XI. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG, HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG			QĐ 948/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	
A. Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình				
	116	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		

6	117	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.		
	118	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		
	119	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		
	120	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		
	121	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		
1		XII. LĨNH VỰC CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN	QĐ 949/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	QĐ số 1101/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025
	122	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (mã TTHC: 2.001827)		

	XIII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN, TÀI CHÍNH, ĐẤT ĐAI; LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH; LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG, HỖ TRỢ CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ	QĐ 951/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	Quyết định số 1153/QĐ-TTPVHCC
	A. Lĩnh vực Công quản lý công sản		
123	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế		
124	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi		
125	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại		
	B. Lĩnh vực Tài chính đất đai		
126	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.		
	C. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
127	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp		
128	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo		
129	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023		
130	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy		
131	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác		
132	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác		

133	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác		
134	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác		
135	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
136	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác		
137	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
138	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài		
139	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
140	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
141	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
142	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất		
143	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh		
144	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập		
145	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
146	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập		

147	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
148	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
149	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh		
150	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
151	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
152	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
153	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác		
154	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác		
D.	Lĩnh vực Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
155	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
E.	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh		
156	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh		
157	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh		
158	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh		
159	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh		
160	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh		

		XIV. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, GIẢM NGHÈO	QĐ 953/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	QĐ số 1100/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025
	161	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã) (1.003434)		
	162	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm (1.011606)		
6	163	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm (1.101607)		
	164	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm (1.011608)		
	165	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình (1.011609)		
	166	Công nhận người lao động có thu nhập thấp		
		XV. LĨNH VỰC Y TẾ	QĐ 954/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	
	167	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội		
	168	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội		
	169	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội		
	170	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em		
	171	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em		
	172	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn		

14	173	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn		
	174	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng		
	175	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội		
	176	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn		
	177	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		
	178	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em		
	179	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em		
	180	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế		
		XVI. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI	QĐ 1285/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của TTPVHCC	
	181	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất.	Giữ nguyên	Sửa đổi bổ sung
	182	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất.	Giữ nguyên	Sửa đổi bổ sung
	183	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	Giữ nguyên	Sửa đổi bổ sung

9	184	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	Giữ nguyên	Sửa đổi bổ sung
	185	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	Giữ nguyên	Sửa đổi bổ sung
	186	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở.	Giữ nguyên	Sửa đổi bổ sung
	187	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Giữ nguyên	Sửa đổi bổ sung
	188	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	Giữ nguyên	Sửa đổi bổ sung
	189	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư	QĐ 1285/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của TTPVHCC	Mới ban hành

1		XVII. LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT, ĐƯỜNG BỘ	QĐ 957/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	
	190	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác		
		XVIII. LĨNH VỰC VĂN HOÁ, THỂ THAO, GIA ĐÌNH, BÁO CHÍ, XUẤT BẢN, THÔNG TIN ĐIỆN TỬ	QĐ 959/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	QĐ 1122/QĐ-TTPVHCC ngày 31/7/2025
		A. Lĩnh vực Văn hoá		
	191	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã		
		B. Lĩnh vực Thông tin điện tử		
	192	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng		
	193	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng		
	194	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng		
	195	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng		
		C. Lĩnh vực Thể dục thể thao		
	196	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông		
	197	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn		
	198	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao		
	199	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam		

27	200	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Môn tô nước trên biển		
	201	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin		
	202	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí		
	203	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao		
	204	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga		
	205	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo		
	206	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao tổ đối với môn Karate		
	207	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo		
	208	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu		
	D. Lĩnh vực Báo chí, Xuất bản, In và phát hành			
	209	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh		
	210	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cơ sở in có trụ sở và chi nhánh/xưởng in tại cùng 01 xã/phường)		
	211	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cơ sở in có trụ sở và chi nhánh/xưởng in tại cùng 01 xã/phường)		
	212	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cơ sở in có trụ sở và chi nhánh/xưởng in tại cùng 01 xã/phường)		
	213	Cấp giấy phép hoạt động in (cơ sở in có trụ sở và chi nhánh/xưởng in tại cùng 01 xã/phường)		
	214	Cấp lại giấy phép hoạt động in (cơ sở in có trụ sở và chi nhánh/xưởng in tại cùng 01 xã/phường)		

	215	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in (cơ sở in có trụ sở và chi nhánh/xưởng in tại cùng 01 xã/phường)		
	216	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (cơ sở in có trụ sở và chi nhánh/xưởng in tại cùng 01 xã/phường)		
	E.	Lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa (01)		
	217	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh		
8		XIX. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM	QĐ 960/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	Số 1113/QĐ-TTPVHCC ngày 29/7/2025
	A.	Lĩnh vực Lâm nghiệp		
	218	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng (1.012922)		
	219	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân (1.012531)		
	220	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái (3.000250)		
	221	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công. (1.007919)		
	222	Phê duyệt phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (1.011471)		
	B.	Lĩnh vực Kiểm lâm		
	223	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng (1.012695)		
	224	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân (1.012694)		

225	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên (1.000047)		
	XX. LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO	QĐ 961/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	
	A. Lĩnh vực Văn bằng, chứng chỉ		
226	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)		cả 2
227	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)		cả 2
	B. Lĩnh vực giáo dục mầm non		
228	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ		cả 2
229	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục		cả 2
230	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại		cả 2
231	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ		cả 2
232	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)		cả 2
233	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập		cả 2
234	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại		cả 2
235	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập		cả 2
236	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)		cả 2
237	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ học phí, hỗ trợ gạo		1168

238	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo		1168
C.	Lĩnh vực giáo dục tiểu học		cả 2
239	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học		cả 2
240	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục		cả 2
241	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại		cả 2
242	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học		cả 2
243	Giải thể trường tiểu học (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)		cả 2
D.	Lĩnh vực giáo dục trung học		
244	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở		cả 2
245	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục		cả 2
246	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại		cả 2
247	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở		cả 2
248	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)		cả 2
E.	Lĩnh vực giáo dục thường xuyên		
249	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng		
250	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại		
251	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng		

252	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)		
F. Lĩnh vực các cơ sở giáo dục khác			
253	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở		
254	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học		
G. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân			
255	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		
256	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		
257	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp		1168
258	Xét cấp học bổng chính sách		1168
H. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp			
259	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cấp đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài		
260	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã		

	I. Lĩnh vực giáo dục dân tộc		QĐ 4637/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của TTPVHCC
261	Công nhận thư viện trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn Mức độ 1		
262	Công nhận thư viện trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn Mức độ 2		
263	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục (đối với trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở)		
264	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục trở lại (đối với trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở)		
265	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú		
266	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục		
267	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục trở lại		
268	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú		
269	Giải thể trường phổ thông dân tộc bán trú		

9		XXI. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG	QĐ 962/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	
	A.	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương		
	270	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã		
	B.	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng		
	271	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá		
	272	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá		
	273	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá		
	C.	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ		
	274	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ		
	275	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ		
	D.	Lĩnh vực Giám định thương mại		
	276	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại		
	277	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại		
	E.	Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng		
	278	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương		
		XXII. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG; LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG; QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI, QUỸ; THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; VIỆC LÀM; AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC	QĐ 963/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của TTPVHCC	

24	A. Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng		
	279 Thủ tục tặng, truy tặng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" cho cá nhân theo công trạng		
	280 Thủ tục xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"		
	281 Thủ tục xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"		
	282 Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng		
	A. Lĩnh vực Người có công		QĐ số 1053/QĐ-TTPTVHCC ngày 11/7/2025
	283 Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý		
	284 Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân		
	285 Thăm viếng mộ liệt sĩ		
	286 Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a		QĐ số 1142/QĐ-TTPTVHCC 05/8/2025
	B. Lĩnh vực Quản lý nhà nước về hội, quỹ		
	287 Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội.		
	288 Thủ tục thành lập hội.		
	289 Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội		

290	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội.		
291	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội.		
292	Thủ tục hội tự giải thể.		
293	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn		
294	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ		
295	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ		
296	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ		
297	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ		
298	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động		
299	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ		
300	Thủ tục quỹ tự giải thể		
301	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe		
C.	Lĩnh vực Người có công		
302	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công		QĐ số 1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025
	XXIII. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH	QĐ 1076/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của TTPVHCC	
A.	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh		

7	303	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh		
	304	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh		
	305	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Theo QĐ 951/QĐ-TTHCC ngày 27/6/2025	
	306	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh		
	307	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh		
	308	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh		
	309	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh		
1		XXIV. LĨNH VỰC HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ		QĐ số 1117/QĐ-TTPVHCC ngày 30/7/2025
	310	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải		
3		XXV. LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HOÁ		
	311	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú		QĐ số 1259/QĐ-TTPVHCC ngày 08/9/2025
	312	Thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú		
	313	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú		
		XXVI. LĨNH VỰC Y TẾ		
	314	Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ		QĐ số 1268/QĐ-TTPVHCC

7	315	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số		QĐ-TTPVHCC ngày 09/9/2025
	316	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bảo chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế		
	317	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế		
	318	Công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm		
	319	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em		
	320	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		
5		XXVII. LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN		QĐ số 1261/ QĐ-TTPVHCC ngày 08/9/2025
	321	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập		
	322	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập		
	323	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập		
	324	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập		
	325	Cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn		

		XXVIII. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN		QĐ số 1275/ QĐ-TTPVHCC ngày 10/9/2025
2	326	Cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản		
	327	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
		XXIX. LĨNH VỰC PHÍ, LỆ PHÍ MÔI TRƯỜNG		
2	328	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải		QĐ số 1287/ QĐ-TTPVHCC ngày 15/9/2025
	329	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với khí thải		
		XXX. LĨNH VỰC HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ		QĐ số 1311/ QĐ-TTPVHCC ngày 19/9/2025
	330	Công nhận hòa giải viên		
4	331	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải		
	332	Thôi làm hòa giải viên		
	333	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên		

Tổng số TTHC: 333

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CẤP THÀNH PHỐ, SỞ, XÃ
(Kèm theo Thông báo số 133/TB-UBND ngày 06/10/2025 của UBND xã Phúc Thọ)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QB Công bố	Đối tượng	Lĩnh vực	Cơ quan công khai	Cấp thực hiện	Tình trạng
1	1.014193.H26	Thu tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	1242/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Bảo hiểm y tế (BỘ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
2	1.014150.H26	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	1169/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
3	1.014149.H26	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	1169/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
4	1.014111.H26	Thi tuyển công chức	1114/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
5	1.014113.H26	Xét tuyển công chức	1114/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
6	1.014116.H26	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quan lý	1114/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
7	1.014128.H26	Cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án	1080/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Khám bệnh, chữa bệnh (BỘ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
8	1.008603.H26	Kê khai, thẩm định tờ khai phi bảo vệ môi trường đối với nước thải	1023/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
9	1.013040.H26	Thu tục khai, nộp phi bảo vệ môi trường đối với khí thải	1023/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
10	3.000425.H26	Khai thác tài sản KCHT đường sắt quốc gia/dô thị theo phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác (đối với tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia)	951/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
11	3.000410.H26	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	951/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
12	1.010773.H26	Tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi ca nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quý đình tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh	963/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Xã	Công khai
13	1.013749.H26	Giai quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đang cư ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đang	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
14	1.013745.H26	Xác nhận và giai quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
15	1.013744.H26	Giai quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đang cư ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đang thuộc diện Trung ương quản lý	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
16	1.013879.H26	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm kháng định HIV dương tính.	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (BỘ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
17	1.013873.H26	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm kháng định HIV dương tính.	954/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (BỘ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
18	1.013869.H26	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm kháng định HIV dương tính.	954/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (BỘ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai

19	3.000466.H26	Chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bản, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cơ quan khác	Công khai
20	3.000465.H26	Cấp ban sao văn bản, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh)	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bản, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cơ quan khác	Công khai
21	3.000468.H26	Chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ (tại cấp xã)	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bản, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã, Cơ quan khác	Công khai
22	3.000467.H26	Cấp ban sao văn bản, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bản, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã, Cơ quan khác	Công khai
23	3.000434.H26	Sử dụng tài sản KCHT đường sắt quốc gia/dô thị được đầu tư theo phương pháp đối tác công tư	951/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
24	3.000433.H26	Thanh toán chi phí từ việc xử lý tài sản KCHT đường sắt quốc gia/dô thị	778/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
25	3.000432.H26	Xử lý tài sản KCHT đường sắt quốc gia/dô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	778/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
26	3.000431.H26	Thanh lý tài sản KCHT đường sắt quốc gia/dô thị	778/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
27	3.000430.H26	Chuyển giao tài sản KCHT đường sắt quốc gia/dô thị về địa phương quản lý, xử lý	778/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
28	3.000429.H26	Điều chuyển tài sản KCHT đường sắt quốc gia/dô thị	778/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
29	3.000428.H26	Thu hồi tài sản KCHT đường sắt quốc gia/dô thị	778/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
30	3.000426.H26	Cho thuê quyền khai thác tài sản KCHT đường sắt quốc gia/dô thị	778/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
31	3.000424.H26	Chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/dô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp	951/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý tài sản công (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
32	2.002771.H26	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã, Cơ quan khác	Công khai
33	2.002770.H26	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã, Cơ quan khác	Công khai
34	1.000314.H26	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	1056/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
35	1.013274.H26	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1056/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
36	1.013260.H26	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
37	1.013261.H26	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
38	1.013259.H26	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai

39	1.002798.H26	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	933/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
40	1.013276.H26	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	286/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
41	2.002313.H26	Thu tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	263/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cơ quan khác	Công khai
42	2.002311.H26	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	263/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cơ quan khác	Công khai
43	3.000325.H26	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	798/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
44	3.000326.H26	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	951/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
45	3.000327.H26	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	951/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
46	3.000328.H26	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	951/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
47	1.001189.H26	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quang cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	95/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
48	1.009249.H26	Xét tặng giải thưởng Hai Thương Lân Ông về công tác y dược cổ truyền	1080/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Thi đua, khen thưởng (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
49	1.013097.H26	Cấp lại giấy chứng nhận cai tạo	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cơ quan khác	Công khai
50	1.004691.H26	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	957/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
51	1.005075.H26	Xóa, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	957/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai

52	1.004681.H26	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	957/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
53	1.004844.H26	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	957/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
54	1.004685.H26	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	957/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
55	1.010000.H26	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	957/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
56	1.012510.H26	Thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	798/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Đấu thầu (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
57	1.012509.H26	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	798/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Đấu thầu (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
58	1.012508.H26	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	798/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Đấu thầu (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
59	1.012507.H26	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	798/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Đấu thầu (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
60	1.013217.H26	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	948/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cơ quan khác	Công khai
61	1.013219.H26	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	948/QĐ-TTPVHCC	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cơ quan khác	Công khai
62	1.012996.H26	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	798/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
63	1.012994.H26	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
64	1.012995.H26	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	798/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
65	1.013239.H26	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	948/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cơ quan khác	Công khai
66	2.002418.H26	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	897/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai

67	2.002635.H26	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Xã	Công khai
68	2.002516.H26	Thu tục xác nhận thông tin hộ tịch	943/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
69	1.001061.H26	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	957/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
70	1.001046.H26	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	957/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
71	1.013061.H26	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	957/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
72	1.012744.H26	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	798/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý giá (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
73	1.012735.H26	Hiệp thương giá	798/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý giá (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
74	1.012897.H26	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhân chuyển quyền thuê nhà ở	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
75	1.012898.H26	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
76	1.012875.H26	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong trường hợp còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đăng kiểm (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cơ quan khác	Công khai
77	1.012789.H26	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	956/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
78	2.002617.H26	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
79	2.002616.H26	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai

80	2 002615 H26	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	286/QĐ-TTTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
81	3 000257 H26	Xác lập quyền sở hữu toàn dân về chuyển giao công trình diện cơ quan gốc ngoài ngân sách nhà nước	798/QĐ-TTTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quan lý công an (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
82	1 012292 H26	Điều chỉnh giấy phép hành nghề nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, định hướng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, lâm lý lâm sàng	954/QĐ-TTTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Căn bộ, công chức, viên chức	Kiểm bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
83	1 012290 H26	Cấp mới giấy phép hành nghề nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, định hướng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, lâm lý lâm sàng	954/QĐ-TTTPVHCC	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Căn bộ, công chức, viên chức	Kham bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
84	1 012290 H26	Cấp tại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, định hướng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, lâm lý lâm sàng	954/QĐ-TTTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Căn bộ, công chức, viên chức	Kham bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
85	1 012262 H26	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	1139/QĐ-TTTPVHCC	Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Kham bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
86	1 012258 H26	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	954/QĐ-TTTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kham bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cơ quan khác	Công khai
87	1 012257 H26	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	954/QĐ-TTTPVHCC	Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Kham bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
88	1 012281 H26	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	954/QĐ-TTTPVHCC	Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Kham bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cơ quan khác	Công khai

89	1.012280.H26	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	954/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
90	1.012279.H26	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	954/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
91	1.012278.H26	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	954/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
92	1.012291.H26	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sĩ, y sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, định đường lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Khám bệnh, chữa bệnh (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
93	1.012300.H26	Thu tục xét tuyển Viên chức (85/2023/ND-CP)	1055/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
94	1.012301.H26	Thu tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	1055/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
95	1.012299.H26	Thu tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/ND-CP)	1055/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
96	1.004883.H26	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đội với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)	932/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
97	1.005134.H26	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	903/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
98	1.005058.H26	Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	957/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
99	1.005123.H26	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	903/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
100	1.000294.H26	Bãi bỏ đường ngang	957/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
101	1.005126.H26	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	957/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
102	1.010029.000.00.00.H26	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai

103	1.010026.000.00.0 0 H26	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài; thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài; thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân; thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
104	1.010023.000.00.0 0 H26	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
105	1.010010.000.00.0 0 H26	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
106	2.002312.000.00.0 0 H26	Thủ tục cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	928/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
107	2.002314.000.00.0 0 H26	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	928/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hội nghị, hội thảo quốc tế (Bộ Ngoại giao)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
108	1.006391.000.00.0 0 H26	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
109	1.010830.000.00.0 0 H26	Di chuyển hai cột liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
110	1.010829.000.00.0 0 H26	Di chuyển hai cột liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
111	1.010825.000.00.0 0 H26	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
112	1.010824.000.00.0 0 H26	Hướng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
113	1.010821.000.00.0 0 H26	Giai quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
114	1.010820.000.00.0 0 H26	Giai quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
115	1.010819.000.00.0 0 H26	Giai quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giai phòng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
116	1.010818.000.00.0 0 H26	Công nhân và giai quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

117	1.010817.000.00.0 0.H26	Công nhân và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
118	1.010816.000.00.0 0.H26	Công nhân và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
119	1.010815.000.00.0 0.H26	Công nhân và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
120	1.010814.000.00.0 0.H26	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
121	1.010812.000.00.0 0.H26	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
122	1.010811.000.00.0 0.H26	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
123	1.010810.000.00.0 0.H26	Công nhân đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
124	2.002308.000.00.0 0.H26	Giai quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
125	1.010805.000.00.0 0.H26	Giai quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
126	1.010804.000.00.0 0.H26	Giai quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu anh hùng "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
127	1.010803.000.00.0 0.H26	Giai quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
128	1.010802.000.00.0 0.H26	Giai quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ tấy chống hoặc vợ khác	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
129	1.010801.000.00.0 0.H26	Giai quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
130	1.010783.000.00.0 0.H26	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
131	1.010781.000.00.0 0.H26	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
132	1.010778.000.00.0 0.H26	Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
133	1.010777.000.00.0 0.H26	Cấp đổi Bằng "Tổ quốc ghi công"	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
134	1.010775.000.00.0 0.H26	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
135	1.010774.000.00.0 0.H26	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
136	1.010772.000.00.0 0.H26	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam. Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai

137	1.005143.000.00.0 0.H26	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	492/QĐ-UBND	Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
138	1.009002.000.00.0 0.H26	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
139	1.001714.000.00.0 0.H26	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
140	1.009346.000.00.0 0.H26	Xét tăng giá trị thương Đẳng Văn Ngừ trong lĩnh vực Y tế dự phòng	95/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủ dũa, khen thưởng (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
141	1.008681.000.00.0 0.H26	Đề nghị thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm	95/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
142	1.008685.000.00.0 0.H26	Đề nghị thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	95/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
143	1.002204.000.00.0 0.H26	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	95/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
144	2.002401.000.00.0 0.H26	Thu tục xác minh tài sản, thu nhập	3662/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
145	2.002402.000.00.0 0.H26	Thu tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	3662/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
146	2.002403.000.00.0 0.H26	Thu tục thực hiện việc giải trình	3662/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
147	2.002400.000.00.0 0.H26	Thu tục kê khai tài sản, thu nhập	3662/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
148	1.009456.000.00.0 0.H26	Công bố hoạt động cạnh tranh nội địa	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
149	1.009459.000.00.0 0.H26	Công bố mơ lường chuyên dùng nội với lường quốc gia, lường chuyên dùng nội với lường địa phương	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
150	1.009458.000.00.0 0.H26	Công bố hoạt động cạnh tranh nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

151	1.009451.000.00.0 0.H26	Thỏa thuận thiết lập bảo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bỏ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
152	1.009450.000.00.0 0.H26	Công bố đóng khu neo đậu	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bỏ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
153	1.009449.000.00.0 0.H26	Công bố hoạt động khu neo đậu	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bỏ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
154	1.009448.000.00.0 0.H26	Thiết lập khu neo đậu	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bỏ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
155	1.009447.000.00.0 0.H26	Công bố đóng cang, bến thủy nội địa	1056/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bỏ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
156	1.009446.000.00.0 0.H26	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cang thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cang thủy nội địa	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bỏ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
157	1.009465.000.00.0 0.H26	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	933/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bỏ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
158	1.009464.000.00.0 0.H26	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bỏ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
159	1.009463.000.00.0 0.H26	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	2171/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bỏ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai

15/10/2023

160	1 009462.000.00.0 0 H26	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
161	1 009461.000.00.0 0 H26	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
162	1 009460.000.00.0 0 H26	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
163	1 009445.000.00.0 0 H26	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
164	1 009444.000.00.0 0 H26	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	1056/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
165	1 009443.000.00.0 0 H26	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
166	1 009442.000.00.0 0 H26	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
167	1 000025.000.00.0 0 H26	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	592/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Quản lý doanh nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh, Cơ quan khác	Công khai
168	1 005090.000.00.0 0 H26	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
169	1 003734.000.00.0 0 H26	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
170	2 001806.000.00.0 0 H26	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cơ quan khác	Công khai
171	1 002407.000.00.0 0 H26	Xét, cấp học bổng chính sách	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai

172	1.006222.000.00.0 0.H26	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	798/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quan lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
173	1.006221.000.00.0 0.H26	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	798/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quan lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
174	2.001827.000.00.0 0.H26	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	949/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quan lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
175	1.005280.000.00.0 0.H26	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Xã	Công khai
176	2.000575.000.00.0 0.H26	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Xã	Công khai
177	1.001266.000.00.0 0.H26	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Xã	Công khai
178	1.001570.000.00.0 0.H26	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Xã	Công khai
179	2.000720.000.00.0 0.H26	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Xã	Công khai
180	1.001612.000.00.0 0.H26	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Xã	Công khai
181	2.000368.000.00.0 0.H26	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
182	2.000375.000.00.0 0.H26	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
183	2.000416.000.00.0 0.H26	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
184	2.002016.000.00.0 0.H26	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai

185	2.002020.000.00.0 0.H26	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
186	2.002023.000.00.0 0.H26	Giai thể doanh nghiệp, giai thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
187	2.002031.000.00.0 0.H26	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
188	2.002029.000.00.0 0.H26	Thông báo tạm ngưng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
189	2.002015.000.00.0 0.H26	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
190	2.002017.000.00.0 0.H26	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
191	2.002018.000.00.0 0.H26	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
192	2.002032.000.00.0 0.H26	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
193	2.002033.000.00.0 0.H26	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai

194	2.002034.000.00.0 0.H26	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
195	2.002060.000.00.0 0.H26	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhân sự nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
196	2.002059.000.00.0 0.H26	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
197	2.002057.000.00.0 0.H26	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
198	2.002083.000.00.0 0.H26	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
199	2.002085.000.00.0 0.H26	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
200	2.002045.000.00.0 0.H26	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	897/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
201	2.002070.000.00.0 0.H26	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
202	2.002069.000.00.0 0.H26	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai

203	2.001954.000.00.0 0 H26	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
204	2.002044.000.00.0 0 H26	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
205	2.001993.000.00.0 0 H26	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
206	2.001996.000.00.0 0 H26	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
207	2.002000.000.00.0 0 H26	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
208	1.005114.000.00.0 0 H26	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
209	2.002008.000.00.0 0 H26	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ là giả mạo	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
210	2.002009.000.00.0 0 H26	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
211	2.002010.000.00.0 0 H26	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
212	2.002011.000.00.0 0 H26	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh, đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai

213	1.005169.000.00.0 0.H26	Đề nghị doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
214	2.002041.000.00.0 0.H26	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
215	2.002042.000.00.0 0.H26	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
216	2.002043.000.00.0 0.H26	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
217	2.001199.000.00.0 0.H26	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
218	2.001583.000.00.0 0.H26	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
219	2.001610.000.00.0 0.H26	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
220	1.004153.000.00.0 0.H26	Cấp giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	959/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xuất bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
221	2.002206.000.00.0 0.H26	Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	798/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Tin học - Thống kê (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ, Cấp Tỉnh	Công khai
222	2.001661.000.00.0 0.H26	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	1027/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
223	1.004944.000.00.0 0.H26	Chăm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
224	1.004946.000.00.0 0.H26	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
225	1.001257.000.00.0 0.H26	Giai quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã	Công khai
226	2.001396.000.00.0 0.H26	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh, Cấp Xã, Cơ quan khác	Công khai



227	2.001157.000.00.0 0.H26	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
228	2.000477.000.00.0 0.H26	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
229	2.000282.000.00.0 0.H26	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
230	2.000286.000.00.0 0.H26	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
231	2.000884.000.00.0 0.H26	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	943/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
232	2.000815.000.00.0 0.H26	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	943/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
233	2.000908.000.00.0 0.H26	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	943/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
234	2.001895.000.00.0 0.H26	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	1099/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Quốc tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
235	1.003943.000.00.0 0.H26	Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ	95/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
236	1.002150.000.00.0 0.H26	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	95/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
237	1.003564.000.00.0 0.H26	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép Giấy chứng sinh	95/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Công khai
238	1.005142.000.00.0 0.H26	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
239	1.000691.000.00.0 0.H26	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	492/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
240	1.000280.000.00.0 0.H26	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	492/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
241	1.000288.000.00.0 0.H26	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	492/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
242	1.000711.000.00.0 0.H26	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1168/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
243	1.000715.000.00.0 0.H26	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1168/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
244	1.000713.000.00.0 0.H26	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1168/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
245	2.000635.000.00.0 0.H26	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	943/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

246	2.001659.000.00.0 0.H26	Xóa đăng ký phương tiện	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
247	1.004036.000.00.0 0.H26	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
248	1.003930.000.00.0 0.H26	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
249	1.003970.000.00.0 0.H26	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
250	1.004002.000.00.0 0.H26	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
251	2.001711.000.00.0 0.H26	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
252	1.004047.000.00.0 0.H26	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
253	1.004088.000.00.0 0.H26	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
254	1.000344.000.00.0 0.H26	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai

255	1.005040.000.00.0 0.H26	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bò Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
256	1.004242.000.00.0 0.H26	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	286/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bò Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Công khai
257	2.001921.000.00.0 0.H26	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bán xích lưu hành trên đường bộ	1056/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bò Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai